

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 – 9 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến Ly

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dư Thị Út

2. Ông Võ Minh Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Cẩm H, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông Lý Văn H1, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị Cẩm H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H1 tự nguyện sống chung từ năm 1986, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hậu Giang (nay là tỉnh Sóc Trăng) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/4/1986. Bà

và ông H1 đã ly thân từ năm 2007 đến nay do vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có ba người con chung là Lý Ái N, sinh ngày 07/5/1986, Lý Minh H2, sinh năm 1988 và Lý Minh P, sinh năm 1992, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, do ba người con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Lý Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà H được ly hôn với ông H1.

+ Về con chung: Do ba người con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H1, ông H1 đang cư trú trên địa bàn thành phố B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà H và ông H1 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện sống chung từ năm 1986 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên bà H và ông H1 đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Xét

thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng bà H và ông H1 không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông H1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, như vậy ông H1 đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của bà H và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông H1.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do bà H cung cấp và lời khai của bà H thì bà H và ông H1 có ba người con chung là Lý Ái N, sinh ngày 07/5/1986, Lý Minh H2, sinh năm 1988 và Lý Minh P, sinh năm 1992 đều đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông H1 không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lâm Thị Cẩm H ly hôn ông Lý Văn H1.
2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lâm Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002533 ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được chuyển sang thu án phí. Ông Lý Văn H1 không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yên Ly**